

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TẠ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
PO. BOX 435, ARLINGTON, VA 22205-0635

Telephone:

IV 2
VE-L
I-171 : YES No.

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

(Two Copies)

1. APPLICANT IN VIETNAM : PHAM VU TRI
Last Middle First

Current address : 41, 1/5, T² 85, ẤP CHANH, PHU QUANG, THU DẦU MỘT
SÔNG BE

Date of birth : MARCH 31st 1946

Previous Occupation (before 1975) : first LIEUTENANT

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP, Date from: 1st 5 1975 to: 19th 5 1979

3. SPONSOR'S NAME : 2nd LIEUTENANT LAMONICA (1973) FOOT LEO
Name

Address and Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S :

NGUYEN-VAN THANH - COUSIN -

FALLS CHURCH

V.A.

5. NAMES OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES :

<u>NAMES:</u>	<u>DATE OF BIRTH:</u>	<u>RELATIONSHIP'S P.A :</u>
- DƯƠNG - PHƯƠNG - LAN	APRIL 15 th 1949	WIFE
- PHAM - THI - MINH - TRU	JULY 22 nd 1980	DAUGHTER
- PHAM - VU - BICH - TRAM	OCTOBER 4 th 1982	DAUGHTER

Dependent's Address (If different from above) :

THE SAME

6. ADDITIONAL INFORMATION:

I SENT MY APPLICATION TO U.S AND THAILAND FOUR TIMES
(IN 1983, 1985, 1987) BUT I HAVEN'T GOT ANY ANSWER FROM
O.D.P. OFFICE

Date prepared: SEPTEMBER 20th 1989

HỘI GIÃ MÌNH TỰ NHẬN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
P.O BOX 5035, ARLINGTON, VA 22205-0635

INTAKE FORM (Two Copies)

1. NAME : PHAM VU TRI
Last Middle First
2. DATE, PLACE OF BIRTH : MARCH 31st 1946 PHU-CUONG THU-DAU-MOT
3. SEX : X Male Female _____
4. MARITAL STATUS : Single : _____ Married : X
5. ADDRESS IN VIET NAM : 1/5, T085, A' CHANH, PHU-CUONG, THU-DAU-MOT
SONG BE
6. POLITICAL PRISONER : Yes X No _____
If yes, from : 1st MAY 1975 To : 19th MAY 1979
7. PLACE OF-EDUCATION CAMP : PHUOC LONG, SONG-BE
8. PROFESSION : PEASANT
9. EDUCATION IN U.S : 74/2 P.M.A.D COURSE (from 11th 9. 1973 to 11. 1973) FORT LEE
10. RVN ARMY, RANK : 1st LIEUTENANT
11. RVN GOVERNMENT : POSITION : _____
12. APPLICATION FOR ODP : _____
Yes : X
- IV. Number : NONE
nb :
13. NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : 3
14. MAILING ADDRESS IN VIET NAM : 91/4, NGUYEN TRAI, SA DEC, DONG THAP
15. NAME AND ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : NGUYEN VAN THANH
FALLS CHURCH, VA.
16. US. CITIZEN : Yes : X No : _____
17. RELATIONSHIP WITH H PRISONER : COUSIN
18. NAME AND SIGNATURE : PHAM VU TRI L2W
- Address and Telephone of Informant :
91/4, NGUYEN TRAI, SA DEC, DONG THAP
19. DATE : SEPTEMBER, 21st 1989

BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp
S1 ĐOÀN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/QP/T5

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và các phái phân động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07TT/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 6044 ngày 27/4/1976 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: Phạm vũ Tri

Ngày, tháng, năm sinh: 1946

Quê quán: thị trấn 1

Trú quán: I/5 khu 1, ấp chính phủ cũ, xã

Nơi

Số lính, cấp bậc, chỉ vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phân động của chế độ cũ: 66/155000

trung úy trước phòng bảo toàn

- Khi về, phải trực tiếp trình giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: I/5, khóm một, khu 3, ấp chính phủ cũ, xã thuộc Huyện,

Quận: thị trấn một Tỉnh Thành phố: sông bé

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: (mười hai tháng)

- Thời hạn đi đường: (một) ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường cấp:

có giấy cấp phát kèm theo)

Ngày 19 tháng 05 năm 1972.



TÓNG TỐ TRƯỞNG-VĂN-BA

Xác Nhận

đ/s có đến tỉnh điện.

21 $\frac{05}{79}$ T. B.L. đến em số I



Ngày thi

31.10

17.10

17.10

31.10.29

31.10.29

31.10.29

01.11.20

31.10.29

01.11.20

31.10.29

01.11.20

31.10.29

31.10.29

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

ODP IV. No _____

Date: _____

A.- BASIC IDENTIFICATION DATA

1. Name : PHAM - VU - TRI
2. Other name : _____
3. Date/ Place of Birth : MARCH, 31st - 1946 PHUOC ONG - THU DAU MOT
4. Residence address : 4/5, T6² 85, AP CHANH, PHUOC ONG, THU DAU MOT
5. Mailing address : 31/4, NGUYEN - TRAI, SA DEC, DONG - THAP
6. Current occupation : PEASANT

B.- RELATIVES TO ACCOMPANYING ME

Nos :	NAME	DOB :	POB :	Sex :	M/S:	Address:	Relationship
1	DOONG - PHUONG - LAN	1949	SA DEC	F	M	THU DAU MOT	WIFE
2	PHAM - THI - MINH - TRUC	1980	SA DEC	F	S	THU DAU MOT	DAUGHTER
3	PHAM - VU - BICH - TRAM	1982	SA DEC	F	S	THU DAU MOT	DAUGHTER

C.- RELATIVES OUTSIDE VIETNAM

1. Closest Relatives in the US :

NAME	RELATIONSHIP	ADDRESS
NGUYEN - VAN - THANH	COUSIN	FAIRCHURCH VA

2. Closest relatives in other foreign countries :

Name	RELATIONSHIP	ADDRESS
NONE		

D.- COMPLETE FAMILY LISTING :

	Living/Dead	Address
1. Father: PHAM - VU - TOAN	LIVING	THU DAU MOT - SONABE
2. Mother : NGUYEN - THI - TRANG	LIVING	THU DAU MOT - SONABE
3. Spouse : DOONG - PHUONG - LAN	LIVING	SA DEC - DONG THAP
4. former spouse (if any) :	NONE.	THU DAU MOT - SONABE
5. Children :		
- PHAM - THI - MINH - TRUC	LIVING	THU DAU MOT - SONABE
- PHAM - VU - BICH - TRAM	LIVING	THU DAU MOT - SONABE

6. Siblings :

B.- EMPLOYMENT BY US GOV. AGENCIES OR OTHER US. ORGANISATION OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person employed:
2. Date : - From : To :
3. Title of last position held :
4. Agency/ Company/ Office :
5. Name of last Supervisor :
6. Reason for leaving :
7. Training for Job in VN :

F.- SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE:

1. Name of person serving : PHAM - VU - TRI
2. Date : From MARCH 10th 1969 To: APRIL 30th 1975
3. Ministry/Office/Military Unit : CAN - CO' 90 TIẾP TẾ VÀ SỬA CHỮA ĐU
4. Name of Supervisor ? LIEUTENANT COLONEL NGUYEN - VU TO THUC
5. Reason for leaving : APRIL 30th 1975
6. Name of American Advisor : MAJOR BAKER
7. US Training Course in VN :
8. US Awards or Certificates : USAIRBORN WING AND P.M.A.D CERTIFICATE

G.- TRAINING OUTSIDE OF VN YOU OR YOUR SPOUSE : (AT FORT LEE)

1. Name of Student trainee PHAM - VU - TRI
2. School and School address : FORT LEE VA 23801 U.S.A.
3. Date : From : 11th 9. 1973 To : 30th 11. 1973
4. Description of Courses : 74/2 P.M.A.D COURSE (PARACHUTE PACKING, MAINTENANCE AND AIR DELIVERY)

H.- REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :

1. Name of person in reeducation : PHAM - VU - TRI
2. Total time in reeducation : FOUR YEARS AND NINETEEN DAYS
3. Still in reeducation : NONE (AND ONE CONTROLLED YEARS AT HOME)

I.- ANY ADDITIONAL REMARKS :

* I SENT MY APPLICATIONS TO U.S. AND THAILAND FOUR TIMES (1983, 1985, 1987) BUT I HAVEN'T GOT ANY ANSWER FROM O.D.P OFFICE.

* I LOST MY U.S. CERTIFICATES AFTER 1975. REFER TO SCHOOL OF FORT LEE, PLEASE.

Signature : L2W Date: SEPTEMBER 20th 1989

J.- PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE:

- * 1 PICTURE (OF EACH MEMBER)
- * 1 MARRIED CERTIFICATE
- * 1 BIRTH CERTIFICATE (OF EACH MEMBER)
- * 1 VIETNAM AIRBORN WING
- * 1 CERTIFICATE OF THO'BUO INFANTRY SCHOOL
- * 2 CERTIFICATES OF REEDUCATION
- * 2 MY PICTURES (1 IN RVNAF AND 1 IN U.S.A.)
- * 2 IDENTITY CARDS
- * 2 RECEIPTS OF SECURITY AGENCY OF SING BE'

BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp
SỰ ĐOÀN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/QC/16

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và công nhân phân động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07TT/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 60A/QP ngày 27/4/1976 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: Phạm vũ Tr

Ngày, tháng, năm sinh: 1916

Quê quán: Thủ đầu I

Trú quán: I/5 Khóm I Khu 3, ấp chánh phú cường,

Nơi

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phân động của chế độ cũ: 66/153004

trung uý trưởng phòng bảo toàn

- Khi về, phải trực tiếp trình nga giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, Phường: I/5, khóm một, khu 3, ấp chánh, phú cường thuộc Huyện, Quận: Thủ đầu một Tỉnh Thành phố: sông bé và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: (mười hai tháng)

- Thời hạn đi đường: (một) ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

Tên và lương thực đi đường (ấp:)

có giấy cần phát kèm theo)

Ngày 19 tháng 05 năm 1972



Trưởng Bộ Trưởng: V. B. A.

Xác Nhận
đ/s có đến hình diện.
21/05/79 L. BLS. Đôn em số I



31/8

17/5/79

Đ. BLS.

31.10.79

Đ. BLS.

Đ. BLS.

Đ. BLS.

Đ. BLS.

Đ. BLS.

Đ. BLS.

Đ. BLS.

Đ. BLS.

Đ. BLS.

Số hiệu
(1)

NAISSANCE

Sanh

Thị trấn:

2

Thị trấn:

NAM-VIỆT

THỊ TRẤN

LANG CHANH-KH

Thị trấn:

Long



THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

THUỐC SÁ

Nom et prénom de l'enfant. Tên họ đứa con nít	
Sexe. Nam, nữ	
Date de naissance. Sanh ngày nào	Trên 10 tháng 1915
Lieu de naissance. Sanh tại chỗ nào	Thị trấn, (thị trấn)
Nom et prénom de son père (pour les enfants nés hors mariage, le nom de la mère devra seul être indiqué). Tên, họ cha (con sanh không phép cưới kể tên họ mẹ mà thôi)	Tham-vu-Toan,
Sa profession. Già làm nghề gì	Coiffeur
Son domicile. Nhà cửa ở đâu	Chanh-Hien-thon,
Nom et prénom de sa mère. Tên, họ mẹ	Nguyen-thi-Trang
Sa profession. Mẹ làm nghề gì	Buôn bán
Son domicile. Nhà cửa ở đâu	Chanh-Hien-thon
Son rang de femme mariée. Vợ chồng hay là vợ thứ	Vợ chồng
Nom et prénom du déclarant. Tên, họ người khai	Tham-vu-Toan
Sa profession. Làm nghề gì	Coiffeur
Son domicile. Nhà cửa ở đâu	Chanh-Hien-thon
Nom et prénom du 1 ^{er} témoin. Tên, họ người chứng thứ nhất	Luc-van-Can
Son âge. Mấy tuổi	Cinquante ans
Sa profession. Làm nghề gì	Cocher
Son domicile. Nhà cửa ở đâu	Chanh-Hien-thon
Nom et prénom du 2 ^e témoin. Tên, họ người chứng thứ nhì	Nguyen-van-Hang
Son âge. Mấy tuổi	Quarante sept ans
Sa profession. Làm nghề gì	Cocher
Son domicile. Nhà cửa ở đâu	Chanh-Hien-thon

A Thudumot, le 24 Avril 1946 105

Tai Chanh-Hien, ngày 23 tháng ba x195 1946

Le déclarant,

Người khai,

Tham-vu-Toan,

(ký tên)

Chanh-Hien, ngày 2 tháng 7 năm 1953

L'Officier de l'Etat Civil,

Chức việc coi bộ đời,

Nguyen-van-Kuong,

(ký tên)

Les témoins,

Các người chứng,

Luc-van-Can, (ký tên)

Nguyen-van-Hang, (ký tên)

Nota. — Les blancs non utilisés devront être remplis par un trait. Vy-vien 10-10-10.
Phải biết. — Chỗ trắng không dùng tới thì phải kẻ một nét.

Crade

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Phường Tân Qui Đông

Huyện, Quận SaDEC

Tỉnh, Thành phố Đồng Tháp

QĐ số

Ngày 21.9.1979

Số 06

Quyển số 1

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Phạm Vũ Trí

Đường Phương Lan

Bí danh

Sinh ngày tháng

31 - 3 - 1946

15 - 4 - 1949

năm hay tuổi

Dân tộc

Kinh

Kinh

Quốc tịch

Việt-Nam

Việt-Nam

Nghề nghiệp

Làm ruộng

Viên Trung học

Nơi đăng ký

1/5 Tổ 85 Ấp Chánh

Số 91/4 Ấp Tân Long

nhân khẩu

Xã Phú Cường - Thị xã

Xã Tân Qui Đông - Thị

thường trú

Thị trấn Mỹ Sơn

Xã SaDEC - Đồng Tháp

Số giấy chứng minh nhân dân:

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 21 tháng 9 năm 1979

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D.

Tân Qui Đông

Trí

Lan

PHẠM VŨ TRÍ

ĐƯỜNG PHƯƠNG LAN

Ủy ban nhân dân
phó Chủ tịch

Le Huu Dat

Xã, Thị trấn PHU GIANG
Thị xã, Quận THUẬN ANH
Thành phố, Tỉnh SÔNG BE

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 1285
Quyển số 01



Họ và Tên	PHAM THI MINH TRUC		Nam, Nữ	☒ Nam
Sinh ngày tháng năm	NGÀY <u>22</u> THÁNG <u>07</u> NĂM <u>1980</u>			
Nơi sinh	BỆNH VIỆN SÁ ĐEC, ĐỒNG THÁP			
Khai về chủ mẹ	CHA	MẸ		
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	PHAM VU TRI 1946	DUONG PHUONG LAN 1949		
Dân tộc	KINH	KINH		
Quốc tịch	VIỆT - NAM	VIỆT - NAM		
Nghề nghiệp	LÀM Rẫy	Y-TA		
Nơi ĐKNK thường trú	1/5, QUỐC LỘ 13, TỈNH SÔNG BE	1/5, QUỐC LỘ 13, TỈNH SÔNG BE		
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	PHAM VU TRI, SINH NĂM 1946 PHUONG PHU CUC, T. X. THUẬN ANH, Đ. M. S. B. C. M. D. S. 280332493			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÁNH

Ngày tháng năm 198.....

TM. UBND ký tên đóng dấu

Đã ký, ngày 17 tháng 1 năm 198.....

(ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

PHU CUC

DANG MINH THINH

SAN CHUAM
LE PHU CHUNG THU
50

Sao Y Bản Chính.
Phủ Cường . Ngày 31 tháng 08 năm 1988.
Tôi: Nguyễn Văn Hiệp là công chứng viên nhà nước
Phường phủ cường. Chúng nhận Sao y bản chính
khai sinh là đúng.

CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Văn Hiệp

Xã, Thị trấn ĐHU - CƯỚI A

Thị xã, Quận Hồ Chí Minh

Thành phố, Tỉnh: SÔNG BE

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

58

Quyền số

[illegible]

Họ và Tên	PHAM VU BICH TRAM		Nam, Nữ	Nữ
Sinh ngày	NGÀY 10 THÁNG MƯỜI		NĂM	
tháng năm	MÊI CHÍN		TAM HAI (04/10/1982)	
Nơi sinh	BẾN MÈN SA ĐÉC			
Khai về cha mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	PHAM VU THAI 1946		DUCNG PHUONG LA 1940	
Dân tộc	KINH		KINH	
Quốc tịch	VIỆT - NAM		VIỆT - NAM	
Nghề nghiệp	LÀM SÀI		NHÂN VIÊN	
Nơi ĐKNK thường trú	1/5, T. 235, PHU CƯỜNG		TH. DẦU MỎ, S. G. P.	
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	PHAM VU THAI 1946 PHUONG PHU CƯỜNG, TH. DẦU MỎ S. G. P. CMND 04 280332493			

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÁNH

Ngàythángnăm 198.....

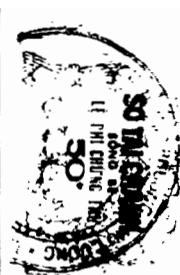
TM. UBND _____ ký tên đóng dấu

Đăng ký, ngày 02 tháng 02 năm 1983.

(ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

ỦY VIÊN THỦ-KY

LÊ HOÀNG LINH



Sở Tư Pháp.

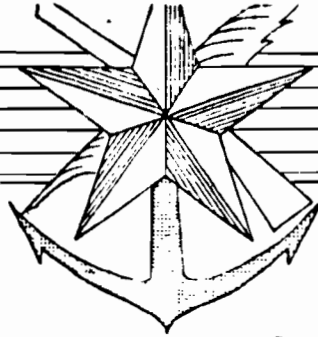
Thủ cường, ngày 31 tháng 08 năm 1988.

Tôi: Nguyễn Văn Hiệp là công chứng viên nhà nước
hưởng Thủ Cường. Chứng nhận sao y khai sinh
là đúng nguyên văn bản chính.



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Văn Hiệp



TRƯỜNG BỘ - BINH

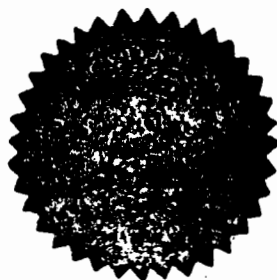
Chi - Huy - Trường

Chứng nhận SVSQTB **Phạm - vũ - Tri**

Số: 66/153.894

đã theo học có kết quả Chương - trình Huấn - luyện
SVSQTB tại Trường Bộ - Binh và được cấp phát
Văn bằng:

TỐT NGHIỆP SĨ - QUAN CÁN BÀN BỘ - BINH



K. B. C. 4.100, ngày 24 tháng 01 năm 1976

Chi Huy Trường Trường Bộ - Binh

0333

Thiếu Tướng **PHẠM QUỐC THUẬN**



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

BẰNG CẢNH HẢY - DÙ

Số 128528 / 01-10/3/KT

Cấp cho *Điền lý* *Phạm Vũ Tri* quân số 15380

Tốt nghiệp khóa 227 mở lại Trường-Tam Huân-Luyện Nhảy Dù

ngày 18 Th. 9. 1971



đến 6 Th. 9. 1971

Chị nhận

K. B. C. 3058, ngày 6 Th. 9. 1971

THAM-TỔNG *Phạm Vũ Tri*

Tư Lính Sĩ Đoàn Nhảy Dù

Điền lý

K. B. C. 717, ngày 6 Th. 9. 1971

Trung tá *Trần Văn Vinh*
Chỉ Huy Trưởng Trường Tam Huân Luyện Nhảy Dù





PHAM-VU-TRI



DƯƠNG-THƯỜNG-LAN



PHAM-THI-MINH-TRUC



PHAM-VU-BICH-TRAM

CÔNG AN TỈNH SÔNG BÉ

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAN CHỈ HUY AN NINH NHÂN DÂN

Số: 66

BIÊN NHẬN

Công An tỉnh Sông Bé (Tổ xuất cảnh) có nhận hồ sơ xin xuất cảnh đi nước ngoài về việc riêng của:

Ông, Bà Phạm Văn C. sinh năm 1946

Nghề nghiệp Làm ruộng

Thường trú 1/5 ấp 36 Phường Cầu Lộ

ĐML Sông Bé

Hà Sơ x/c ở Mỹ định nhậm đặc

Số người xin đi 4

Sông Bé, ngày 5 tháng 8 năm 1985
Cán bộ nhận hồ sơ

Phạm Văn C.



PHAM - NU-TRIⁱ
IN WASHINGTON D.C.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **280332493**

Họ tên: **PHẠM VŨ TRÍ**



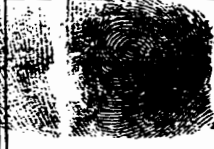
Sinh ngày: **31-3-1946**

Nguyên quán: **X. Phú Cường**

TX. Thủ Dầu Một, Sông Bé

Nơi thường trú: **Phú Cường**

TX. Thủ Dầu Một, Sông Bé.

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Phật Giáo	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		sẹo chằm c 3cm trên trước đầu may trái	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 1 tháng 8 năm 1980 TỔNG CỤC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN TRẦN PHONG C 51  Phạm Đình Diêu	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 28034488

Họ tên DƯƠNG PHƯƠNG LAN

Sinh ngày 15-04-1949

Nguyên quán Tân Vĩnh Hòa

Sa Đéc

Nơi thường trú Phú Cường

T.X Thủ Dầu Một Sông Bé

Dân tộc: kinh		Tôn giáo: không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Nốt ruồi C 3cm trên đầu mày trái	
		Ngày 28 tháng 04 năm 1981	
		TƯ LỆNH CÔNG AN TRƯỞNG CÔNG AN  Nguyễn Minh Đức	

Sáng nay 2/10/89

Chị Thỏ thân,

Hôm nay là ngày mở các tổ phởy vãn
người Mỹ để từ xã đến VN để lo cho việc
các tư chính họ làm thủ tục tại đình cũ

Hy vọng và vẫn hy vọng. Tuy nhiên có nhiều
điều hi vọng cho thấy cũng còn nhiều hồ sơ, nhất
là cho các cấp cao, cái-tạo lâu năm

Thân vừa qua như ý sĩ quan cấp nhỏ được
gọi "Hò-vân", (giấy ghi máy theo giấy ra trại) và
sĩ chức phởy vãn đi Mỹ vào 16/9 hồ sơ cũ.
Trong lúc những anh em dưới cấp từ là cả từ tầng
trên 3000 (thỏa thuận cuối June 89) chỉ có một vài
người, đến kỳ kết thúc các máy tay. Hai điểm
đoạn tự gia đình (ODP) và tại đình cũ có lẽ tùy hai
mở một, vì như anh em dưới gọi Hò-vân nói
tên vẫn là sĩ quan, vẫn là tư cái-tạo, có giấy
ra trại, có LOI, và có các Exit permit và họ
đi gọi hồ sơ xin xuất cảnh từ trước 85'. Đi vào
anh em đó được đi chúng tôi vẫn vui. Nhưng rồi sẽ

đưa nên lên là nếu họ đến, tính cả cày khố
3000 củ 89' như đó đến th-ở th-ở th-ở?
Và 2 lần phi có th-ở th-ở là 2 chữ, hết
ODP và lại tính cả lo song song, r-ây bắt?
h-à sao chỉ lo để đến theo chỉ dẫn thấy
đến th-ở, h-à ông nói họ phải như vậy, họ
nhìn vẫn phải cho chỉ huy.

Như

* Xin gửi theo đây như chỉ gửi cho th-ở
em Phạm - và TRI, Trung úy Đu, có học
Mỹ, ably kết cả tập của anh 5 hôm (khi
cả quân chỉ 12 th-ở). Và nó là em họ con
họ Đuởy của tôi.

Đin để giúp chuyển gửi 1 h-à B đây là
cho ODP và 1 bản nh-à để ở l-ầu h-à của h-à.

Xin cảm ơn ch-à.

Như

CONTROL

☒ Card
☐ Doc. Request; #
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date
☐ Membership; Letter

11/2/89

46
Computer